

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 93/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2018

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... C
	Ngày: 05/7/2018

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị định này quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương, bao gồm nguyên tắc quản lý, hình thức và điều kiện vay của chính quyền địa phương; lập kế hoạch vay, trả nợ 05 năm; chương trình quản lý nợ 03 năm; kế hoạch vay, trả nợ hằng năm; thực hiện vay, trả nợ; kế toán, kiểm toán, báo cáo và công bố thông tin nợ.

2. Đối tượng áp dụng:

Nghị định này áp dụng đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành thành phố trực thuộc trung ương; Bộ Tài chính và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vay, quản lý, sử dụng vốn vay, trả nợ của chính quyền địa phương.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý nợ của chính quyền địa phương

1. Chính quyền địa phương cấp tỉnh được phép vay để bù đắp bội chi ngân sách cấp tỉnh và vay để trả nợ gốc các khoản vay của chính quyền địa phương.

2. Việc vay của chính quyền địa phương cấp tỉnh phải bảo đảm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các nguyên tắc sau:

a) Kế hoạch vay 05 năm, chương trình quản lý nợ 03 năm và kế hoạch vay hằng năm tối đa trong phạm vi trần do cấp có thẩm quyền thông báo (nếu có) và trong hạn mức dư nợ vay theo quy định tại khoản 6 Điều 7 của Luật Ngân sách nhà nước và Điều 4 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ) và các Nghị định của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với một số địa phương theo quy định tại Điều 74 Luật Ngân sách nhà nước;

b) Thực hiện vay hằng năm tối đa trong phạm vi tổng mức vay đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao cho từng địa phương;

c) Vay bù đắp bội chi của ngân sách địa phương chỉ được sử dụng cho đầu tư phát triển để thực hiện chương trình, dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định;

d) Các khoản vay chỉ thực hiện và hạch toán bằng Đồng Việt Nam, trừ các khoản vay lại từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi ngoài nước của Chính phủ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

đ) Chính quyền địa phương không được trực tiếp vay nước ngoài.

2. Chính quyền địa phương không được bảo lãnh cho các tổ chức, cá nhân để vay vốn hoặc phát hành trái phiếu trong và ngoài nước.

3. Phải ưu tiên bố trí ngân sách địa phương hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để trả nợ đầy đủ, đúng hạn theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 Nghị định này.

4. Nợ chính quyền địa phương phải được hạch toán, kế toán, bảo đảm chính xác, tính đúng, tính đủ, công khai, minh bạch trong quản lý nợ và gắn với trách nhiệm của các cơ quan, cá nhân liên quan trong việc quản lý nợ chính quyền địa phương.

Điều 3. Hình thức và điều kiện vay của chính quyền địa phương

1. Hình thức vay của chính quyền địa phương:

a) Phát hành trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường vốn trong nước theo quy định của Nghị định này;

b) Vay lại từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi ngoài nước của Chính phủ theo quy định tại Chương V Luật Quản lý nợ công, Nghị định của Chính phủ quy định về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài và Nghị định này;

c) Vay trực tiếp từ các tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng trong nước; vay ngân quỹ nhà nước; vay từ quỹ dự trữ tài chính theo quy định tại Nghị định này.

2. Điều kiện vay của chính quyền địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 52 Luật Quản lý nợ công và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương II

KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ 05 NĂM; CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ NỢ 03 NĂM VÀ KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ HÀNG NĂM CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 4. Kế hoạch vay, trả nợ 05 năm của chính quyền địa phương

1. Kế hoạch vay, trả nợ 05 năm của chính quyền địa phương là một bộ phận của kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Sở Tài chính chủ trì lập, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến trước khi gửi Bộ Tài chính để tổng hợp.

2. Căn cứ lập kế hoạch vay, trả nợ 05 năm của chính quyền địa phương:

a) Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch vay, trả nợ 05 năm giai đoạn trước của địa phương;

b) Mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, tài chính - ngân sách nhà nước trong Chiến lược quốc gia, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm; các chiến lược về tài chính, nợ công, cải cách hệ thống thuế; và những mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian 05 năm kế hoạch của địa phương; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đã được phê duyệt của địa phương;

c) Dự báo tình hình kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến khả năng huy động và nhu cầu sử dụng các nguồn lực tài chính - ngân sách nhà nước của địa phương trong thời gian 05 năm kế hoạch;

d) Quy định của pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước, bao gồm cả cơ chế phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương; định hướng sửa đổi, bổ sung, ban hành mới trong thời gian 05 năm kế hoạch;

đ) Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch tài chính 05 năm.

3. Yêu cầu lập kế hoạch vay, trả nợ 05 năm:

a) Phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra trong Chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội; các chiến lược về tài chính, nợ công, cải cách hệ thống thuế; mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 năm kế hoạch của cả nước và của địa phương;

b) Phù hợp với dự báo tình hình kinh tế - xã hội, khả năng cân đối nguồn thu ngân sách nhà nước, huy động và trả nợ, giới hạn an toàn tài chính quốc gia trong thời gian 05 năm kế hoạch; phù hợp với các nguyên tắc cân đối, quản lý, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương, nguyên tắc quản lý an toàn nợ công, hạn mức dư nợ vay được phép của địa phương;

c) Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước, bố trí các khoản vay để thực hiện chương trình, dự án trong từng thời kỳ cụ thể;

d) Công khai, minh bạch, hiệu quả.

4. Nội dung lập kế hoạch vay, trả nợ 05 năm của chính quyền địa phương:

a) Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch vay, trả nợ 05 năm giai đoạn trước, những kết quả đạt được, những hạn chế yếu kém và nguyên nhân, bài học kinh nghiệm;

b) Căn cứ, yêu cầu lập kế hoạch vay, trả nợ 05 năm của địa phương;

c) Các chỉ tiêu lập kế hoạch vay, trả nợ 05 năm của chính quyền địa phương, gồm: Hạn mức vay, dư nợ vay của chính quyền địa phương (dư nợ so với hạn mức được vay); dự kiến vay, trả nợ;

d) Dự báo những rủi ro tác động đến các chỉ tiêu quản lý về nợ của chính quyền địa phương;

đ) Các giải pháp về chính sách và quản lý nhằm đảm bảo an toàn, bền vững nợ của chính quyền địa phương.

5. Trình tự lập, quyết định kế hoạch vay, trả nợ 05 năm được thực hiện theo trình tự lập, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tại Điều 9 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm (sau đây gọi là Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ).

6. Việc điều chỉnh kế hoạch vay, trả nợ 05 năm của chính quyền địa phương được thực hiện theo quy định tại Điều 10 và khoản 5 Điều 11 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 5. Chương trình quản lý nợ 03 năm của chính quyền địa phương

1. Chương trình quản lý nợ 03 năm của chính quyền địa phương là một bộ phận của kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Sở Tài chính chủ trì lập, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp trước khi gửi Bộ Tài chính để tổng hợp vào chương trình quản lý nợ công 03 năm, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Căn cứ lập chương trình quản lý nợ 03 năm của chính quyền địa phương:

a) Tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, tình hình vay, trả nợ năm hiện hành của địa phương;

b) Chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội; các chiến lược về tài chính, nợ công, cải cách hệ thống thuế; các kế hoạch 05 năm của quốc gia và địa phương về phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn (trường hợp thời gian 03 năm kế hoạch nằm trong kế hoạch 05 năm), hoặc mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương giai đoạn sau (trường hợp thời gian 03 năm kế hoạch có năm nằm giữa hai kỳ kế hoạch 05 năm);

c) Dự báo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong thời gian 03 năm kế hoạch; dự kiến chi ngân sách các lĩnh vực được xác định trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm đã lập năm trước của địa phương;

d) Quy định hiện hành và định hướng sửa đổi, bổ sung, ban hành mới quy định pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước do trung ương và địa phương ban hành trong thời gian 03 năm kế hoạch;

đ) Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

3. Yêu cầu lập chương trình quản lý nợ 03 năm của chính quyền địa phương:

a) Phù hợp với tình hình thực tế thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và tài chính 05 năm và hằng năm; dự báo trong thời gian 03 năm kế hoạch;

b) Đảm bảo các nguyên tắc về cân đối, quản lý, phân cấp ngân sách, quản lý nợ công theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công;